

Giai thoại Trạng Trình

Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm 阮秉谦 (1491 bis 1585) sinh năm Tân hợi đời vua Lê Thánh Tông Hồng Đức thứ 22 tại làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương (nay thuộc xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng) Thân phụ của ông là giám sinh Nguyễn Văn Định, nổi tiếng hay chữ nhưng chưa hề đỗ đạt trong đường khoa cử. Thân mẫu là bà Nhữ Thị Thục, con gái út của Thượng thư bộ hộ Nhữ Văn Lan triều Lê Thánh Tông. Quê ông ở làng An Tử Hạ, huyện Tiên Minh, phủ Nam Sách, trấn Hải Dương (nay là thôn Nam Tử, xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng).



Theo tài liệu để lại bà Nhữ Thị Thục là bậc nữ lưu tài hoa giỏi văn chương và tài học về lý số. Biết trước

những gì có thể xảy ra và mộng lớn con cái nên danh phận. Nguyễn Bình Khiêm lúc trẻ học với Lương Đắc Bằng từng là đại thần giữ chức Thượng thư dưới triều Lê sơ, ông dâng những điều trần nhằm ổn định triều chính không được vua Lê thi hành, Lương Đắc Bằng cáo quan về quê sống đời dạy học (1509). Nguyễn Bình Khiêm thông minh chăm chỉ trở thành học trò xuất sắc. Bởi vậy trước khi qua đời, Bằng nhân Lương Đắc Bằng trao cho Nguyễn Bình Khiêm bộ sách quý về Dịch học (Chu Dịch) là Thái Ất thần kinh, từ đó ông tinh thông về lý học và tướng số, nghiên cứu về lý số với thiên tài “thần thông” có khả năng siêu quần, quán chúng về thâu thị, thần giao cách cảm, Nguyễn Bình Khiêm bỏ qua 9 kỳ đại khoa (trong đó có 6 khoa thi dưới triều Lê sơ). Ngay cả khi nhà Mạc lên thay nhà Lê sơ (1527), xã hội dần đi vào ổn định nhưng Nguyễn Bình Khiêm cũng không vội vã ra ứng thí (ông không tham dự 2 khoa thi đầu tiên dưới triều Mạc). Tới năm Đại Chính thứ sáu (1535) đời Mạc Thái Tông (Mạc Đăng Doanh) thịnh trị vương đạo nhất triều Mạc (1527-1592), ông quyết định đi thi và đậu ngay Trạng Nguyên. Năm ấy ông đã 45 tuổi. được bổ nhiệm làm Đông Các hiệu thư rồi sau giữ nhiều chức vụ khác nhau như Tả Thị Lang Bộ Hình, Tả Thị Lang Bộ Lại, kiêm Đông Các Đại Học, làm quan được 8 năm, ông dâng sớ hạch tội 18 lộng thần vua không nghe. Ông cáo quan năm 1542 về vườn, lập Bạch Vân Am và hiệu Bạch Vân Cư Sĩ mở trường dạy học cạnh sông Hàn Giang còn có tên Tuyết Giang, các môn sinh tôn ông là “Tuyết Giang phu tử”. môn sinh của ông có nhiều người hiển đạt sau này như Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Trương Thời Cử, Đinh Thời Trung, Hàn Giang cư sĩ Nguyễn Văn Chính (con trai cả của ông)... thơ Trạng Trình với triết lý của Thái Ất là nguồn tri thức hữu thể, về đời sống nhân sinh với càng khôn trong vũ trụ. Thái Ất còn gọi là Lý Thiên, Lý Địa và Lý Nhân

*Ngư ông bắt ngộ Đào Nguyên khách
Khởi thức hưng vong thế cổ kim
Nhàn trung hoa thảo túc Cung xuân
Tà dương độc lập đồ vô sự
Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn người đến chốn lao xao
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao...*

Dù Nguyễn Bình Khiêm không còn làm quan, nhưng vua Mạc Phúc Hải phong cho ông tước Trình Nguyên Hầu vào năm Giáp thìn (1544), ngụ ý đề cao ông có công khơi nguồn ngành lý học, sau đó được thăng chức Thượng Thư Bộ Lại, tước hiệu Trình Quốc Công. Từ đó người đời gọi ông là Trạng Trình. Nhờ học phương pháp tính theo Thái Ất, tiên đoán được biên cố

trước và sau 500 năm. Người Trung Hoa khen Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm “*An Nam lý học hữu Trình Tuyền*”. Tục truyền rằng Năm Bính ngọ (1546) Mạc Phúc Hải mất truyền ngôi lại cho con Mạc Phúc Nguyên mãi đến năm mậu thân (1548) vua Trang Tông mất, Trịnh Kiểm lập Thái tử tên Duy Huyền lên ngôi tức Trung Tông được 8 năm thì mất không có con nối nghiệp. Trịnh Kiểm muốn làm vua nhưng còn sợ dư luận, nên sai người đến Hải Dương hỏi ý khiến Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm. ông không chỉ bảo người giúp việc ngụ ý: “*năm nay mất mùa, thóc giống không tốt, chúng mày nên tìm giống cũ mà gieo mạ, gửi chùa thờ Phật thì ăn oản..*” Sau đó Trịnh Kiểm tìm con cháu họ Lê lên làm vua.

Dù Trạng Trình ở ẩn, vua Mạc cũng như các chúa Trịnh, chúa Nguyễn có việc hệ trọng vẫn cho người đến hỏi ý ông. Ông thường kín đáo khuyên Vua cố gắng tránh chiến tranh để nhân dân khỏi chết chóc. Trong năm Quang Thiệu (Lê Chiêu Tôn) có việc biến loạn, Nguyễn Bình Khiêm không muốn tiếng tăm với đời lúc bấy giờ Trịnh Tuyền, Mạc Đăng Dung cũng cố ý muốn tranh quyền, đánh nhau mấy năm dài. Ông tính số Thái Ất, biết nhà Lê lại khôi phục được và làm bài thơ:

*Non sông nào phải buổi bình thời
Thú đánh nhau chỉ khéo nực cười
Cá vực, chim rừng, ai khiến đuổi
Núi xương sông tuyết, thảm đầy voi
Ngựa phi chắc có hồi quay cổ (1)
Thú dữ nên phòng lúc cắn người (2)
Ngán ngẫm việc đời chi nói nữa
Bên đằm say hát, nhớn như chơi*

Sau khi nhà Lê bị Mạc Đăng Dung (1483-1541) chiếm ngôi, con của vị tướng triều Lê là Nguyễn Hoàng Dụ trốn sang Lào, được vua Lào cho nương náu ở xứ Cẩm Châu, trấn Nam Phủ, tỉnh Thanh Hóa. Năm Quý Tỵ (1532) Nguyễn Kim lập con út vua Chiêu Tông lên làm vua, gọi là Trang Tông. Để mưu đồ đại sự, Nguyễn Kim (1467-1545) thu nạp kiện tướng ở tỉnh Thanh Hóa là Trịnh Kiểm, sau là rể của Nguyễn Kim. Năm Canh Tý (1540), Nguyễn Kim đem quân đánh chiếm Nghệ An và thu phục luôn cả Thanh Hóa. Nhưng bỗng dưng Nguyễn Kim chết vì ngộ độc (1545), mọi binh quyền về tay Trịnh Kiểm. Việt Nam lúc bấy giờ bị chia đôi: từ Sơn Nam trở ra thuộc nhà Mạc, gọi là Bắc Triều. Từ Thanh Hóa trở vào là khu vực của nhà Lê hay gọi là Nam Triều.

Nguyễn Kim mất, để lại hai người con trai là Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng (1525-1613) cả hai tuy còn ít tuổi nhưng đã bộc lộ tài năng xuất sắc hơn người. Trịnh Kiểm lo sợ cả hai sau này có thể tranh giành địa vị với mình, nên ngấm ngấm ngăn trở dù Nguyễn Uông chỉ mắc một lỗi nhỏ, Trịnh Kiểm cũng buộc Nguyễn Uông phải chịu phép gia hình. Nguyễn Hoàng thấy anh bị hại, sợ đến lượt mình, liền cử người kín đáo lên hỏi Trạng Trình. Trạng không trả lời cụ thể, chỉ đứng ngắm đàn kiến bò trên hòn non bộ trước sân nhà và nói một câu:

Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân.

Nghĩa là từ núi đèo ngang ở Quảng Bình kia có thể yên thân được muôn đời. Từ câu nói đó, Nguyễn Hoàng nghiệm ra rằng trạng Trình bày cho kế đi vào phương Nam lập nghiệp. Từ năm 1558 Nguyễn Hoàng vội vàng đến nói riêng với chị là bà Ngọc Bảo xin Trịnh Kiểm cho vào trấn phía Nam, năm Mậu ngọ (1558) đời vua Anh Tông Trịnh Kiểm tâu vua cho Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa, phía Nam dãy Hoành Sơn. Nhờ thế mà lập nên cơ nghiệp của họ Nguyễn ở Đàng Trong, truyền nối lâu dài.

Nguyễn Hoàng là người khôn ngoan, có lòng nhân đức thu dụng hào kiệt giúp dân cho nên được lòng dân kính phục. Trấn giữ đất Thuận Hóa, mở đầu cho triều đình nhà Nguyễn từ từ khai phá cho đến vùng đồng bằng sông Cửu Long ngày nay. Ngoài ra rất nhiều lời sấm được lưu truyền qua dân gian nhiều lời bản diễn giải khác nhau như câu: " *Cầu vĩ trụ đầu, xuất thánh nhân* " ứng nghiệm vào việc vua Gia Long lên ngôi từ (1802-1819) thống nhất sơn hà vào năm Nhâm tuất ngày 02-05-1802. trải qua 13 triều đại. Hoàng đế cuối cùng Bảo Đại trị vì từ 1929 và thoái vị năm 1945.

Tương truyền Trạng Trình nói trước nhà Mạc suy vong, ông đọc hai câu thơ: "*Cao Bằng tàng tại- tam đại tồn cơ*" (nghĩa rằng rút về đất Cao Bằng thì sẽ sống thêm được ba đời nữa) con cháu họ Mạc về đất Cao bằng tuy nhỏ nhưng được 3 đời là Mạc Kính Cung, Mạc Kính Khoan và Mạc Kính Vũ. Dòng dõi họ Mạc bị bắt, bị giết nhiều người đời họ lưu lạc khắp nơi để mưu cầu sự sống.



Trạng Trình có 3 người vợ và 12 người con (7 trai 5 gái) các con trai đều có chức tước sau này. Ông mất ngày 28 tháng 11 năm Đinh dậu, niên hiệu Diên Thành thứ 8 nhà Mạc (1585) hưởng thọ 94 tuổi. Theo sử sách Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm là người có công lớn đối với triều đình nhà Mạc nên sau khi mất (1585) vua Mạc Mậu Hợp ứng cử Ứng Vương Mạc Đôn Nhượng, phụ chính triều đình làm khâm sai cùng với văn võ bá quan về dự lễ tang. Tháng Giêng năm sau (1586), vua Mạc ban cho làng Trung Am

3.000 quan tiền để lập đền thờ ông và cấp 100 mẫu ruộng để lấy hoa lợi dùng vào việc thờ cúng. Đền thờ được dựng trên nền Giảng học - Am Bạch Vân và tự tay nhà vua đề biển ngạch: "*Mạc Triều Trạng Nguyên Tể Tướng Từ*" (Đền thờ Tể tướng Trạng nguyên Triều Mạc). Trải qua những biến cố lịch sử ngôi đền được trùng tu, xây dựng lại nhiều lần vào các năm: Vĩnh Hựu nguyên niên (Ất Mão 1735, đời vua Lê Ý Tông); Minh Mạng thập tứ (1833). Ngôi đền hiện nay được dựng lại vào năm Mậu Thìn (1928) đời vua Bảo Đại. Đến năm 1985, nhân kỷ niệm 400 năm ngày mất của ông, một lần nữa đền lại được trùng tu làm thêm nhà khách, hồ nước, cổng đền, tường bao, đường vào đền...

Trước khi qua đời, Trạng trình có ghi vào gia phả và dặn con cháu rằng: Bình sinh ta có tấm bia đá sẵn và đã sơn kia. Khi ta mất rồi, hãy hạ quan tài xuống phải để tấm bia đá ấy lên nắp rồi lấp đất. Chờ khi nào có khách tới viếng mộ và nói rằng: "*Thánh nhân mất mù*" thì phải lập tức mời người ấy vào nhà, yêu cầu họ đổi hướng lại ngôi mộ cho ta. Nếu trái lời ta, dòng dõi về sau sẽ suy đồi lụn bại đấy. Con cháu nghe lời, làm y như đã dặn. Nhưng chờ mãi đến năm mười năm sau, mới có người khách đến nhìn mộ cụ một lúc rồi nói: Cái huyệt ở đằng chân sờ sờ thế kia mà không biết, lại tự đem để mả thế này. Vậy mà thánh nhân gì chớ, hoá chẳng là thánh nhân mất mù. Người trong họ nghe được, chạy về báo với trưởng tộc. Ông này vội vàng ra đón người khách Tàu kia về nhà, xin để xoay ngôi mộ kia lại. Ra đó là một nhà phong thủy (Feng Shui) trú danh ở phương Bắc. Ông ta sang là để đi tìm xem di tích của Trạng, bấy lâu ông ta đã nghe tiếng đồn. Khi nghe vị trưởng tộc nói, ông ta sẵn lòng làm ngay, và tự đắc cho rằng mình giỏi hơn Trạng Trình. Ông ta bảo: Không cần phải đem đi đâu xa cả, chỉ đào lên rồi xoay lại, nhích đi một chút là được. Ông trưởng tộc bèn tụ họp con cháu lại, đưa thầy địa lý Tàu ra đổi lại ngôi mộ. Lúc đào đến tấm bia đá, ông ta làm lạ bảo đem rửa sạch xem những gì trên đó. Khi tấm bia được rửa sạch, mới thấy mấy câu thơ hiện ra, tạm dịch nghĩa:

*Ngày nay mạch lộn xuống chân
Năm mươi năm trước mạch dâng đằng đầu.
Biết gì những kẻ sinh sau?
Thánh nhân mắt có mù đâu bao giờ?*

Đọc tới đâu vị khách Tàu phải khâm phục Trạng Trình mà ông ta nghe đồn là giỏi thật. Năm 1930 Việt Nam Quốc Dân Đảng lãnh tụ Nguyễn Thái Học (1901-1930) lãnh đạo cuộc tổng khởi nghĩa ngày 10.2.1930 đánh Tây ở các tỉnh: Yên Bái, Hưng Hóa, Lâm Thao, Hải Dương, Kiến An. Thất bại bị Pháp điên cuồng ném bom tàn phá làng Bảo An để trả thù. Có lời đồn Trạng Trình đã tiên đoán:

*Kìa kìa gió thổi lá rung cây
Rung Bắc rung Nam rung tới Tây
Tan tác kiến kiều an đất nước
Xác xơ cổ thụ sạch am cây
Lâm giang nổi gió mù thao cát
Hưng địa tràn dâng hóa nước đầy
Một ngựa một yên ai sùng bái
Nhấn tin nhà vĩnh bảo cho hay ,,*

Thoát nạn sập nhà

Trạng Trình giao cho con cháu một ống tre sơn son thếp vàng, bịt kín hai đầu, và dặn đúng năm tháng ấy, ngày giờ ấy, phải để cái ống ấy vào kiệu rước lên dinh Thống đốc Hải Dương, trao cái ống này cho quan thì sẽ cứu được tình thế gia đình. Khi Trạng mất, hằng trăm năm sau, con cháu Trạng lâm vào cảnh đói nghèo, sa sút, nhưng tuyệt đối không được mở ống ra xem trước thời hạn. Trạng còn dặn kỹ trừ quan Tổng đốc ra, không ai được mở ống, vì thế ống vẫn giữ nguyên vẹn. Trải qua bảy đời, cái ống tre ấy mới được rước lên dinh quan Tổng đốc, đúng ngày giờ đã ghi trong gia phả. Đang nằm nghỉ, nghe tin con cháu cụ Trạng mang thư đến gặp, quan Tổng đốc rất ngạc nhiên, không biết vì cớ gì, nên truyền cho vào, đồng thời quan ngồi dậy để đi ra cửa.

Quan Tổng đốc vừa bước khỏi giường nằm được mấy bước thì bỗng rầm một cái, chiếc sà nhà không biết bị một ăn hồng từ bao giờ, rơi ngay xuống chỗ giường vừa nằm. Thật là một phen hú vía! Nếu ông không kịp ngồi dậy nhận thư Trạng, thì mạng ông đã khó mà sinh tồn. Quan Tổng đốc mở ống tre ra xem, thấy bên trong có một cuộn giấy, đề hai câu thơ:

*Ngã giải nhĩ thượng lương chi ách,
Nhĩ cứu ngã tử tôn chi bản
Nghĩa là
Cứu người thoát nạn đổ nhà,
Người nên cứu cháu con ta khỏi nghèo*

Chưa hết kinh hoàng vì chuyện chiếc sà nhà vừa rơi xuống, ông thoát nạn nhờ ra lấy lá thư. Quan Tổng đốc biết rằng Trạng Trình cứu ông thoát chết, nên ông ta ân cần mời cháu Trạng Trình về tư thất đãi hậu hỷ, sau đó đưa ra rất nhiều tiền giúp khỏi cảnh nghèo đói.

Nguyễn Công Trứ (1778-1858) phá đền

Năm Minh Mạng (1791-1840) năm thứ 14, Nguyễn Công Trứ được vua điều đi khẩn hoang ở vùng Hải Dương, Nguyễn Công Trứ thấy địa thế cần phải đào con sông, đào sông thì phải phá đền thờ Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm, ông ra lệnh cho dân phu phá đền để khai phá công

trường. Khi sai người đào mang bát hương ra, Nguyễn Công Trứ chợt thấy dưới bát hương có một tấm bia đá nhỏ phủ vải điều. Nguyễn Công Trứ lau sạch đọc được các câu đã ghi:

*Minh Mạng thập tứ
Thằng Trứ phá đền
Phá đền phải làm đền
Nào ai đặng đến doanh điền nhà bay*

Nguyễn Công Trứ lập tức viết sớ về kinh, xin bãi bỏ lệnh phá đền. Ông còn cho người sửa sang lại đền Trạng Trình khang trang hơn. Từ đó ông không còn nghĩ đến việc phá đền để đào sông nữa.

Cha con thằng Khả

Tục truyền trong làng có cha con ông Khả đi bắt dế (chuột) kiếm sống. Khi đến bên mộ Trạng, hai cha con vương vãi thế nào lại làm đổ tấm bia trên mộ. Dân làng rất sùng kính Trạng Trình, nên khi thấy bia mộ bị đổ, họ nổi giận bắt cả hai cha con, kêu nộp phạt ba quan tiền mới tha, vì khi tấm bia đổ xuống thấy có hàng chữ ở sau:

*Cha con thằng Khả.
Đánh ngã bia tao
Làng xóm xông xao
Bắt đền quan tám*

Cha con ông Khả chịu nộp phạt, nhưng dân làng phải tha cha con về nhà chạy tiền. chỉ tìm được có một quan tám, dân làng không chịu, cha con ông Khả ngẫm nghĩ phải nói với dân làng: Cha con tôi bị Trạng Trình bắt phạt có quan tám, "Tam quán" nói lái lại thành quan tám.

Thời gian và thế sự xoay vần

*Chuột sa chính gạo nằm chơi
Trâu cày ngốc lại chào đời bước ra
Hùm gầm khắp nẻo gần xa
Mèo kêu rộn tiếng quý ma toi bờ
Rồng bay năm vẽ sáng ngời
Rắn qua sữa soạn hết đời sa tăng
Ngựa hồng quý mới nhả răng.*



Những điều tiên đoán trên, liên quan với hiện tình đất nước Việt Nam. Hy vọng năm 2013 Quý Ty cầm tinh con rắn Việt Nam bước vào giai đoạn lịch sử mới mẻ hơn, người dân biết những gì xảy ra tại các nước khác, giới trẻ ra nước ngoài học và trở về. Tôi hy vọng toàn dân cùng đoàn kết hỗ trợ và tiếp tay với những người yêu nước để canh tân đất nước đem lại tự do, dân chủ đưa đất nước đến phú cường và thịnh vượng. Đảng cộng sản Việt Nam hãy thức dậy! mở to đôi mắt nhìn xa hơn, bài học lớn nhất trong lịch sử, Thiên đường cộng sản Liên Xô (Soviet

Union) sụp đổ kéo theo các nước trong các nước Đông Âu: Poland, Romania, Hungary, Bulgaria, Czechoslovakia (Slovakia/ Slovenia) bỏ chế độ cộng sản để có tự do, độc lập và

nhân quyền được tôn trọng. Noi gương nước láng giềng Miến Điện cởi mở, trả tự do cho những tù nhân chính trị, chấm dứt chính sách đàn áp, kiểm duyệt truyền thông báo chí, cho bầu cử tự do... Những người cầm quyền đã quá giàu rồi nên thức tỉnh để hưởng phúc, đừng tham quyền cố vị, không có khả năng đưa đất nước phục hưng về kinh tế, chính trị giữ vững bờ cõi nên từ chức cho người tài giỏi hơn lãnh đạo. Những nhà độc tài giàu sang hàng trăm tỷ USD như Saddam Hussein, (Iraq) Gadhafi, (Lybia) N. Ceausescu (Romania) người đời nguyên rủa và bị giết kéo xác trên đường phố như một con chó, con cháu họ cũng bị giết hay bị tù tội, gia đình ly tán tài sản bị tịch thu.

Thơ văn của Trương Trình Nguyễn Bình Khiêm còn lại hơn 100 bài trong bộ Bạch Vân Thi Tập, được dịch ra chữ quốc ngữ, thơ mang nặng tình người, khuyên người đời biết điều nhân nghĩa, ngoài ra còn một số giai thoại truyền tụng trong nhân gian... và những lời sấm ký có giá trị. Đời sống của tiên sinh thật xứng đáng với câu đối ở đền thờ tại Bạch Vân Am: "*Kế tuyệt, phù suy Chư Cát Lượng - Tri lai, tàng vãng Thiệu Nghiên Phu*" (Nổi được cái đã đứt, đỡ được cái đã suy như Chư Cát Lượng. Tìm hiểu việc đã qua, dự đoán việc mai sau như Thiệu Nghiên Phu). Nhà thờ ở huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng, có bức hoành phi đại tự ở chính giữa có 4 chữ "*An Nam lý học*" từ câu "*An Nam lý học hữu trình tuyên*" có nghĩa là am hiểu về lý học ở nước An Nam có Trình tuyên hầu (tước vị của Nguyễn Bình Khiêm), Đặc biệt có một số câu đối nói rõ chính kiến của ông về thế sự và hậu thế ca ngợi công đức của ông.

Nguyễn Quý Đại

www.hoamunich.wordpress.com

- 1/ ứng nghiệm về sau nhà Lê khôi phục
- 2/ ứng nghiệm nhà Trịnh giữ nhà Lê

Tài liệu tham khảo

Việt Nam Sử lược: Trần Trọng Kim
Tự Điển nhân vật lịch sử: Nguyễn Quyết Thắng
Những câu chuyện lịch sử tập 3: Trần Gia Phụng
Thái Ất Thần Kinh nhà xuất bản Văn Hóa
Trang Wikipedia. hình trên Internet